UHY Auditing and Consulting Co Ltd

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH NGHỆ AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

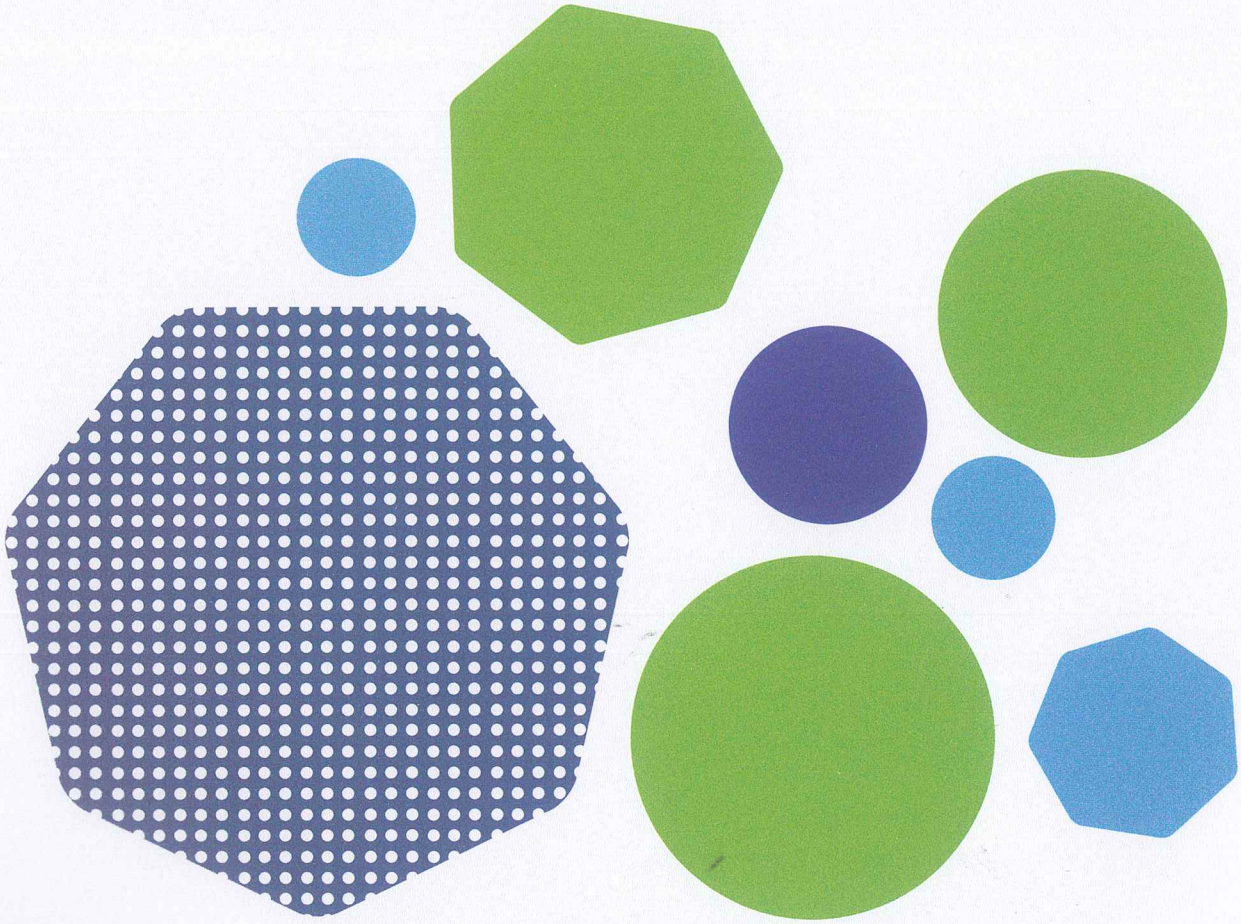

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH NGHỆ AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



Nghệ An, tháng 2 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát hành sách Nghệ An (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tham gia điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Hồng Hải	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 09 năm 2024)
Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 09 năm 2024)
Ông Tô Thanh Tâm	Phó Chủ tịch	
Bà Phạm Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch	
Ông Chu Ngọc Sơn	Ủy viên	
Bà Thái Thị Thùy Trang	Ủy viên	

Ban Giám đốc

Ông Tô Thanh Tâm	Giám đốc
Bà Phạm Thị Lệ Hằng	Phó Giám đốc
Bà Lại Thị Thanh Thảo	Phó Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Đức Thùy Linh	Thành viên	
Ông Cao Huy Quân	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21 tháng 08 năm 2024)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh Miền Trung đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Nghệ An, ngày 22 tháng 2 năm 2025

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

M.S.D.N: 2900326022-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH NGHỆ AN
TP VINH-T.NGHỆ AN

Tô Thanh Tâm

Số: 02.220225/BCKT UHY - MT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Phát hành sách Nghệ An

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát hành sách Nghệ An được lập ngày 22 tháng 2 năm 2025, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Phát hành sách Nghệ An vào ngày 02/01/2025 và do đó chúng tôi đã không được chứng kiến việc kiểm kê thực tế hàng tồn kho tại thời điểm đầu năm và cuối năm. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với số lượng, tình trạng của các khoản mục trên tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024. Vì vậy chúng tôi không khẳng định được số lượng và tình trạng của khoản mục này tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024.

Như đã trình bày tại Thuyết minh tại số 13 - Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024, một phần số dư các khoản công nợ phải trả khác chưa được đối chiếu, xác nhận. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục thay thế, vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh cho phần số dư này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ và ảnh hưởng của chúng (nếu có), Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát hành sách Nghệ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 29 trong Báo cáo tài chính về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại ngày 31/12/2024, nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 10.380.132.749 VND; Vốn chủ sở hữu (Mã số 410) là (2.092.395.452) VND. Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 là (1.665.557.714) VND. Điều này dẫn tới nghi ngờ đáng kể của chúng tôi về khả năng chi trả các khoản nợ ngắn hạn cũng như khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 23/07/2024.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
UHY
MSDN: 0102021062-002
CHI NHÁNH MIỀN TRUNG

Đặng Văn Vinh
Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 4094-2023-112-1

Nguyễn Thị Bích
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 4881-2024-112-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Chi nhánh Miền Trung
Nghệ An, ngày 22 tháng 2 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
100	**A . TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**995.298.888**	**1.411.717.132**
110	**I . Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**149.726.115**	**33.254.605**
111	1 . Tiền		149.726.115	33.254.605
130	**II . Các khoản phải thu ngắn hạn**		**331.119.463**	**856.035.753**
131	1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	669.374.669	648.999.749
136	2 . Phải thu ngắn hạn khác	5	263.417.921	202.741.004
137	3 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(605.840.127)	-
139	4 . Tài sản thiếu chờ xử lý	7	4.167.000	4.295.000
140	**III . Hàng tồn kho**	**8**	**514.453.310**	**522.426.774**
141	1 . Hàng tồn kho		514.453.310	522.426.774
200	**B . TÀI SẢN DÀI HẠN**		**8.376.737.297**	**8.677.403.164**
220	**I . Tài sản cố định**		**7.429.412.751**	**7.730.078.618**
221	1 . Tài sản cố định hữu hình	10	7.429.412.751	7.730.078.618
222	*- Nguyên giá*		*13.630.512.545*	*13.630.512.545*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(6.201.099.794)*	*(5.900.433.927)*
240	**II . Tài sản dở dang dài hạn**	**9**	**947.324.546**	**947.324.546**
242	1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		947.324.546	947.324.546
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**9.372.036.185**	**10.089.120.296**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
300	**A . NỢ PHẢI TRẢ**		**11.464.431.637**	**10.315.958.034**
310	**I . Nợ ngắn hạn**		**11.375.431.637**	**6.141.491.674**
311	1 . Phải trả người bán ngắn hạn	12	721.736.958	762.943.194
313	2 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	267.633.747	379.860.752
314	3 . Phải trả người lao động		104.333.300	95.289.518
318	5 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	294.750.000	-
319	6 . Phải trả ngắn hạn khác	14	4.486.977.632	343.398.210
320	7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	5.500.000.000	4.560.000.000
330	**II . Nợ dài hạn**		**89.000.000**	**4.174.466.360**
336	1 . Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	15	-	2.537.742.364
337	2 . Phải trả dài hạn khác	14	89.000.000	1.255.405.702
338	3 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11	-	381.318.294
400	**B . VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**(2.092.395.452)**	**(226.837.738)**
410	**I . Vốn chủ sở hữu**	16	**(2.092.395.452)**	**(226.837.738)**
411	1 . Vốn góp của chủ sở hữu		7.433.380.000	7.433.380.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*7.433.380.000*	*7.433.380.000*
414	2 . Vốn khác của chủ sở hữu		-	200.000.000
421	3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(9.525.775.452)	(7.860.217.738)
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*(7.860.217.738)*	*(7.315.169.856)*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*(1.665.557.714)*	*(545.047.882)*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**9.372.036.185**	**10.089.120.296**

Nghệ An, ngày 22 tháng 2 năm 2025

Người lập biểu	Quyền Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Kim Dung	Lê Thị Kim Dung	Tô Thanh Tâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	17	**1.163.656.680**	**3.161.639.463**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.163.656.680**	**3.161.639.463**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	18	**335.193.780**	**1.767.782.018**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**828.462.900**	**1.393.857.445**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		155.781	80.310
22	7. Chi phí tài chính	19	421.350.101	347.347.261
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*421.350.101*	*347.347.261*
25	8. Chi phí bán hàng	20	1.262.481.289	1.422.101.499
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	2.427.953.178	1.833.305.255
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(3.283.165.887)**	**(2.208.816.260)**
31	11. Thu nhập khác	22	1.684.627.718	1.663.768.378
32	12. Chi phí khác	23	67.019.545	-
40	**13. Lợi nhuận khác**		**1.617.608.173**	**1.663.768.378**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(1.665.557.714)**	**(545.047.882)**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**(1.665.557.714)**	**(545.047.882)**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	25	**(2.241)**	**(733)**
71	**19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	25	**(2.241)**	**(733)**

Nghệ An, ngày 22 tháng 2 năm 2025

Người lập biểu	Quyền Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Kim Dung	Lê Thị Kim Dung	Tô Thanh Tâm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

1 . THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát hành sách Nghệ An được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900326022 so Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 09/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 17/5/2023. Công ty tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập ngày 29/9/1992 theo Quyết định số 1746/QĐ-UB ngày 29/9/1992 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An. Công ty được chuyển giao cho Tổng công ty phát hành sách Việt Nam kể từ ngày 15/4/1998 theo Quyết định số 1102/QĐ.UB ngày 09/4/1998 của UBND tỉnh Nghệ An. Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 114B/QĐ-CPH ngày 01/7/2005 về việc thực hiện cổ phần hóa Công ty Phát hành sách Nghệ An của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty sách Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05 của Công ty là 7.433.380.000 VND chia thành 743.338 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Vốn thực góp tại ngày 31/12/2024 là 7.433.380.000 VND.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chi tiết: Bán buôn các loại xuất bản phẩm, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, báo và tạp chí, giấy tờ biểu mẫu quản lý kinh tế, hành chính; Bán buôn các loại thiết bị điện tử, điện máy, dụng cụ thể thao, thiết bị giảng dạy học tập, đồ chơi trẻ em, hóa mỹ phẩm.

1.3 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 . Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại: Số 33, đường Lê Mao, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 32 người (tại ngày 31/12/2023 là 40 người).

2 . CƠ SỞ, CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

2.3 . Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

(i) Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

(ii) Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào kỳ hạn còn lại.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên, trong đó:

Nợ phải thu quá hạn thanh toán

	Mức trích lập dự phòng
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

Dự phòng nợ phải thu khó đòi còn được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được. Các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.7 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	30 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm

2.8 . Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

(i) Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

(ii) Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ: Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn,...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

2.9 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty.

2.11 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.13 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Như: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

2.14 . Chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

5 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**263.417.921**	-	**202.741.004**	-
- Tạm ứng	74.682.381	-	70.982.381	-
- Phải thu BHXH	63.637.269	-	-	-
- Ông Ất (Đoàn Dân ca Nghệ An)	40.000.000	-	40.000.000	-
- Hoàng Văn Huân	31.646.648	-	31.646.648	-
- Anh Công	30.000.000	-	30.000.000	-
- Phải thu khác	23.451.623	-	30.111.975	-

6 . DỰ PHÒNG PHẢI THU

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	**(605.840.127)**	-
Dự phòng phải thu khách hàng	(410.694.871)	-
Dự phòng phải thu khác	(190.570.790)	-
Dự phòng trả trước cho người bán	(4.574.466)	-

7 . TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Hàng tồn kho	4.167.000	4.295.000
Tổng	**4.167.000**	**4.295.000**

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	514.453.310	-	522.426.774	-
Tổng	**514.453.310**	**-**	**522.426.774**	**-**

9 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	947.324.546	947.324.546
- Cải tạo, xây dựng tòa nhà 33 Lê Mao (*)	*947.324.546*	*947.324.546*
+ Chi phí kiểm định chất lượng hiện trạng công trình	*164.597.273*	*164.597.273*
+ Chi phí thẩm định giá trị tài sản tòa nhà	*72.727.273*	*72.727.273*
+ Chi phí tư vấn luật xây dựng	*160.000.000*	*160.000.000*
+ Chi phí tư vấn xây dựng khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình	*550.000.000*	*550.000.000*
Tổng	**947.324.546**	**947.324.546**

(*) Chưa có các hồ sơ pháp lý liên quan đến Dự án này.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	**10.995.267.002**	**1.679.240.571**	**956.004.972**	**13.630.512.545**
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**10.995.267.002**	**1.679.240.571**	**956.004.972**	**13.630.512.545**
Trong đó:				
- Đã hết khấu hao còn sử dụng	-	*1.166.967.142*	*623.554.427*	*1.790.521.569*
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	**3.494.977.099**	**1.492.670.427**	**912.786.401**	**5.900.433.927**
Số tăng trong năm	250.345.032	17.075.781	33.245.054	300.665.867
- Khấu hao TSCĐ trong năm	*250.345.032*	*17.075.781*	*33.245.054*	*300.665.867*
Số dư cuối năm	**3.745.322.131**	**1.509.746.208**	**946.031.455**	**6.201.099.794**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	7.500.289.903	186.570.144	43.218.571	7.730.078.618
Tại ngày cuối năm	**7.249.944.871**	**169.494.363**	**9.973.517**	**7.429.412.751**

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay 6.146.350.607

11 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 1

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**721.736.958**	**721.736.958**	**762.943.194**	**762.943.194**
- Lâm Lợi	160.509.800	160.509.800	225.061.200	225.061.200
- Chị Hà (ký gửi tranh)	62.480.000	62.480.000	62.480.000	62.480.000
- Phải trả người bán khác	498.747.158	498.747.158	475.401.994	475.401.994

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp	Số thực nộp	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	6.133.902	67.952.528	38.454.533	35.631.897
Thuế TNCN	-	10.000.000	10.000.000	-
Thuế nhà đất	373.726.850	556.334.222	698.059.222	232.001.850
Thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Trong đó				
- Trình bày là phải trả	379.860.752			267.633.747

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**4.486.977.632**	**343.398.210**
- Kinh phí công đoàn	43.377.975	46.200.052
- Bảo hiểm xã hội	-	172.701.662
- Lại Thị Thanh Thảo	110.000.000	110.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	51.958.350	-
- Chi phí lãi vay phải trả	520.029.553	-
- Chi trả trợ cấp 41	160.767.900	-
- Công ty Dung Hồng	2.763.636.364	-
- Công ty Cổ phần XNK hàng thủ công mỹ nghệ Sài Gòn	400.000.000	-
- Tiền ký quỹ của cán bộ nhân viên	357.920.994	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	79.286.496	14.496.496
Trong đó, số dư công nợ tại ngày 31/12/2024 chưa được đối chiếu là:	3.413.570.104	14.496.496
b) Dài hạn	**89.000.000**	**1.255.405.702**
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	89.000.000	89.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	51.958.350
- Chi phí lãi vay phải trả	-	98.679.452
- Chi trả trợ cấp 41	-	160.767.900
- Công ty Dung Hồng	-	400.000.000
- Công ty Cổ phần XNK hàng thủ công mỹ nghệ Sài Gòn	-	200.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	255.000.000
Trong đó, số dư công nợ tại ngày 31/12/2024 chưa được đối chiếu là:	89.000.000	956.726.250

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**294.750.000**	**-**
- Doanh thu nhận trước	294.750.000	-
b) Dài hạn	**-**	**2.537.742.364**
- Doanh thu nhận trước	-	2.537.742.364

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Dư đầu năm trước	**7.433.380.000**	**200.000.000**	**(7.315.169.856)**	**318.210.144**
Lỗ trong năm trước	-	-	(545.047.882)	(545.047.882)
Dư cuối năm trước	**7.433.380.000**	**200.000.000**	**(7.860.217.738)**	**(226.837.738)**
Lỗ trong năm nay	-	-	(1.665.557.714)	(1.665.557.714)
Giảm khác (*)	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Dư cuối năm nay	**7.433.380.000**	**-**	**(9.525.775.452)**	**(2.092.395.452)**

(*) Giảm do hạch toán nhầm theo Quyết định số 99 QĐ/PHS ngày 31/12/2024 của Giám đốc Công ty.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	3.791.020.000	51,00	3.791.020.000	51,00
- Cao Minh Sơn	2.697.260.000	36,29	2.697.260.000	36,29
- Các cổ đông khác	945.100.000	12,71	945.100.000	12,71
Tổng	**7.433.380.000**	**100,00**	**7.433.380.000**	**100,00**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	*7.433.380.000*	*7.433.380.000*
- Vốn góp cuối năm	*7.433.380.000*	*7.433.380.000*

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	743.338	743.338
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	743.338	743.338
- Cổ phiếu phổ thông	*743.338*	*743.338*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	743.338	743.338
- Cổ phiếu phổ thông	*743.338*	*743.338*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

17 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán lịch, sách, văn phòng phẩm	342.535.691	1.863.530.257
Doanh thu cho thuê mặt bằng	821.120.989	1.298.109.206
Tổng	**1.163.656.680**	**3.161.639.463**

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán lịch, sách, văn phòng phẩm	335.193.780	1.767.782.018
Tổng	**335.193.780**	**1.767.782.018**

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	421.350.101	347.347.261
Tổng	**421.350.101**	**347.347.261**

20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	608.158.373	757.313.244
Tiền thuê đất, thuế môn bài	374.848.000	376.000.000
Khấu hao TSCĐ	200.444.000	195.568.967
Chi phí bán hàng khác	79.030.916	93.219.288
Tổng	**1.262.481.289**	**1.422.101.499**

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	967.989.872	753.105.026
Tiền thuê đất	182.424.222	107.495.928
Khấu hao TSCĐ	100.221.867	110.541.000
Dự phòng phải thu khó đòi	605.840.127	-
Chi phí bằng tiền khác	571.477.090	862.163.301
Tổng	**2.427.953.178**	**1.833.305.255**

22 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu khoán cửa hàng các huyện	1.323.343.000	1.387.932.850
Thu tiền cho thuê địa điểm	195.367.000	-
Thu tiền điện nước	70.079.400	129.323.728
Các khoản khác	95.838.318	146.511.800
Tổng	**1.684.627.718**	**1.663.768.378**

23 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	64.827.075	-
Các khoản khác	2.192.470	-
Tổng	**67.019.545**	**-**

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(1.665.557.714)	(545.047.882)
Điều chỉnh tăng	64.827.075	-
- Các khoản bị phạt	*64.827.075*	
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	(1.600.730.639)	(545.047.882)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**-**	**-**

25 . LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(1.665.557.714)	(545.047.882)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.665.557.714)	(545.047.882)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	743.338	743.338
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(2.241)**	**(733)**

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty Cổ phần Phát hành sách Nghệ An không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và ngày 31/12/2023 cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	555.276.413	575.274.784

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán, Tư vấn và Đầu tư ACI Hà Nội - Chi nhánh Miền Bắc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

29 . KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 31/12/2024 Nợ ngắn hạn lớn hơn Tài sản ngắn hạn 10.380.132.749 VND; Vốn chủ sở hữu (Mã số 410) là (2.092.395.452) VND. Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 là (1.665.557.714) VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng kế hoạch kinh doanh hợp lý để mang lại nguồn lợi nhuận hợp lý cho Công ty, huy động nguồn vốn vay từ các cá nhân để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Nghệ An, ngày 22 tháng 2 năm 2025

Người lập biểu	Quyền Kế toán trưởng	Giám đốc
Lê Thị Kim Dung	Lê Thị Kim Dung	Tô Thanh Tâm

Phụ lục 1 : VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Năng Lượng Xanh V-Dan (i)	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-	4.500.000.000	4.500.000.000
- Trần Thị Tập (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
- Lại Thị Thanh Thảo	-	-	-	60.000.000	60.000.000	60.000.000
Tổng	**5.500.000.000**	**5.500.000.000**	**1.000.000.000**	**60.000.000**	**4.560.000.000**	**4.560.000.000**

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(i) Khoản vay với Công ty THNHH Năng Lượng Xanh V-Dan theo hợp đồng vay ngày 17/7/2023, số tiền vay 4.500.000.000 VND, thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay để tất toán khoản vay theo Thông báo số 494/CNNA-CV03 ngày 23/6/2023 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An và rút toàn bộ hồ sơ thế chấp để thực hiện biện pháp bảo đảm vốn vay, lãi suất cho vay thỏa thuận áp dụng theo lãi suất ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An; Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất tại số 33 Lê Mao, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất", số BM 621677 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 29/7/2023. Số dư khoản vay này tại ngày 31/12/2024 là 4.500.000.000 VND.

(ii) Khoản vay bà Trần Thị Tập theo hợp đồng số 17/HĐVV/2024 ngày 06/8/2024, số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 06/8/2024 đến 06/10/2025, mục đích sử dụng khoản vay là nộp tiền thuê đất năm 2023, 2024, nộp thuế GTGT, thanh toán tiền BHXH, trả tiền lương,...; Lãi suất cho vay 7%/năm. Số dư khoản vay này tại ngày 31/12/2024 là 1.000.000.000 VND.

b) Vay dài hạn

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư của cán bộ nhân viên Công ty	-	-	-	381.318.294	381.318.294	381.318.294
Tổng	**-**	**-**	**-**	**381.318.294**	**381.318.294**	**381.318.294**